

Số: /TT-Tr-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

## TỜ TRÌNH

### **Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025**

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Khoa học và Công nghệ xin trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng “*Nghị quyết Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025*”, như sau:

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành nội dung, chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2019,

##### **2. Căn cứ thực tiễn**

Về chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước: Một trong những quan điểm phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, đó là: “Coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công, là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyên giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ”. Gần đây nhất, Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 về quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Theo đó, một trong số các nhiệm vụ giao cho ngành khoa học và công nghệ triển khai thực hiện đó là “*Để xuất các biện pháp cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia và các chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước để thực hiện đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh*”.

Thời gian qua hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị, chuyên giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang chưa được thực hiện bằng các

quy định cụ thể; không đảm bảo được mục tiêu: “*Phản đầu hàng năm có trên 10% doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật*” theo Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 08/9/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang Kế hoạch tổng thể phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015. Do vậy, chưa kích thích doanh nghiệp trên địa bàn tích cực trong đầu tư đổi mới công nghệ cũng như ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng; nâng cao giá trị gia tăng của doanh nghiệp. Một phần, bản thân doanh nghiệp chưa thực sự nhận thức đầy đủ về các vấn đề khoa học, công nghệ của chính doanh nghiệp trong khi quy trình tiếp cận các nguồn ngân sách nhà nước còn phức tạp.

Báo cáo số 271-BC/TU ngày 12/9/2018 của Tỉnh ủy về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 có đề ra nhiệm vụ giải pháp để phát triển khoa học và công nghệ, đó là “*Có chính sách hỗ trợ các cá nhân, tổ chức trong đổi mới công nghệ*”.

Thông báo số 03/TB-HĐND ngày 01/3/2017 kết quả phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 02/2017: “*Cần có cơ chế cho doanh nghiệp và các tổ chức ở địa phương tham gia vào việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ và nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh*”.

Do đó, để tác động các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh tích cực ứng dụng đổi mới công nghệ và chuyển giao công nghệ, đồng thời đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, việc ban hành “*Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*” là hết sức cần thiết, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất, chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững hơn.

Thực hiện Kế hoạch hành động vì sự phát triển bền vững tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 và Kế hoạch tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; trong đó UBND tỉnh giao: “*Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu trình UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ*”.

Với những lý do chính trên, việc ban hành chính sách “*Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025*” là cần thiết nhằm góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất, chất lượng; tăng khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững hơn. Qua đó, sẽ góp phần dần hình thành các cộng đồng doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng chú trọng đến hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ và chuyển giao công nghệ từ đó làm chủ công nghệ thay thế cho các nền tảng dựa vào nguồn tài nguyên và giá lao động rẻ trong giai đoạn vừa qua.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

a) Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nghiên cứu chế tạo, ứng dụng đổi mới công nghệ, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, những công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển

kinh tế- xã hội của địa phương và hạn chế tác hại đến môi trường.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) nâng cao trình độ công nghệ nhằm góp phần hợp lý hóa sản xuất, tạo sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng, có giá trị kinh tế cao, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

## 2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Chính sách được xây dựng phải đổi mới, hướng đến các nhóm đối tượng cụ thể đó là các doanh nghiệp có hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ và chuyển giao công nghệ.

b) Các nội dung hỗ trợ của chính sách không trùng lắp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh. Thủ tục thực hiện đơn giản để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và tham gia,

c) Chính sách hướng hỗ trợ tiếp cận trên cơ sở các sản phẩm thực tế giải quyết nhu cầu của doanh nghiệp, không hỗ trợ cho những dự án không khả thi.

d) Đề cao vai trò và tính chủ động của doanh nghiệp trong các hoạt động khoa học và công nghệ.

e) Chính sách mới trên địa bàn tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng đổi mới công nghệ và chuyển giao công nghệ nên cần có tính linh hoạt, có thể điều chỉnh, bổ sung phù hợp khi nhu cầu thực tiễn thay đổi.

## III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025.

**2. Đối tượng áp dụng:** Các doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật, có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (*không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*).

## IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

### 1. Mục tiêu của chính sách

a) Thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia vào hoạt động đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sản phẩm của doanh nghiệp; tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường của doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp một phần chi phí từ nguồn ngân sách tỉnh vào hoạt động đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp trên địa bàn để khích lệ doanh nghiệp chủ động sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch, công nghệ mới thông qua các hoạt động chuyên giao công nghệ.

### 2. Nội dung của chính sách

#### 2.1. Điều kiện hỗ trợ

a. Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ.

- b. Có hợp đồng mua thiết bị, công nghệ.
- c. Có hóa đơn thanh toán mua thiết bị, công nghệ.
- d. Công nghệ sau khi được đổi mới phải nâng cao giá trị sản xuất ít nhất 15%.
- đ. Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 01 dự án đổi mới công nghệ/1 năm.
- e. Không áp dụng đối với các dự án đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách khác.
- f. Thiết bị công nghệ có xuất xứ từ các nước G7, OECD thì công nghệ phải được sản xuất không quá 5 (năm) năm kể từ ngày có hóa đơn mua thiết bị công nghệ.
- g. Thiết bị, công nghệ có xuất xứ từ các nước khác phải là công nghệ mới 100% kể từ ngày có hóa đơn mua thiết bị công nghệ.

### **2.2. Các lĩnh vực hỗ trợ**

- a. Công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm sản;
- b. Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- c. Công nghệ sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời;
- d. Công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao;
- e. Công nghệ xử lý môi trường;
- f. Công nghệ sản xuất cơ khí.

### **2.3. Mức hỗ trợ**

Hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư thiết bị, công nghệ, nhưng không quá 1.500.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm triệu đồng/1 dự án*).

### **2.4. Nguồn kinh phí:** Từ nguồn ngân sách của tỉnh.

## **3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn**

- Phổ biến chính sách đến toàn thể các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để các doanh nghiệp tiếp cận các thông tin về chính sách hỗ trợ.

- Tác động tích cực đến doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp duy trì quá trình nghiên cứu và phát triển, sáng tạo và mạnh dạn đầu tư các dự án đầu tư đổi mới công nghệ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tích cực chuyển giao công nghệ, góp vốn bằng công nghệ để hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Đơn giản hóa tối đa các bước tiếp cận chính sách để doanh nghiệp có thể dễ dàng tham gia, đây là biện pháp quan trọng để tháo gỡ các rào cản hiện nay.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN THI HÀNH CHÍNH SÁCH**

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách của tỉnh.
- Nhân lực quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì.
- Đội ngũ chuyên gia cho các hội đồng khoa học và công nghệ thẩm định hỗ trợ các dự án: Chuyên gia theo từng lĩnh vực của dự án.

## **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA CHÍNH SÁCH**

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân thông qua Nghị quyết chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh: tháng 12 năm 2019.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết Ban hành Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Sở Khoa học và Công nghệ xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Đánh giá tác động của chính sách về xây dựng nghị quyết; (2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản sao ý kiến góp ý; (3) Đề cương dự thảo nghị quyết; (4) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp; (5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp).*

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính; KHĐT; Tư pháp;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Kiên**

Số: /BC-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

**Dự thảo**

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

UBND tỉnh xây dựng Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025, gồm các nội dung sau:

#### **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

##### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Công nghệ là động lực của quá trình phát triển là lực lượng sản xuất hàng đầu, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh trên thị trường cho doanh nghiệp góp phần phát triển kinh tế xã hội. Thị trường khoa học và công nghệ là một bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có vai trò then chốt trong việc tạo môi trường thúc đẩy hoạt động sáng tạo, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Đổi mới công nghệ là hoạt động thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng một phần hoặc toàn bộ công nghệ khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Về cốt lõi có thể có 5 trường hợp đổi mới công nghệ: Đưa ra sản phẩm mới; Đưa ra một phương pháp sản xuất mới hoặc thương mại mới; Chinh phục thị trường mới; Sử dụng nguồn nguyên liệu mới; Tổ chức mới đơn vị sản xuất. Đổi mới công nghệ phát sinh từ quá trình phát triển kinh tế xã hội, với sự tác động của nền khoa học kỹ thuật tiên tiến cũng như xuất phát từ nhu cầu thực tế về sản phẩm và dịch vụ, hiện trạng công nghệ của các ngành sản xuất không ngừng nâng cao tạo tiền đề cho quá trình đổi mới công nghệ diễn ra ngày càng nhanh hơn và mạnh hơn.

Bản chất của đổi mới công nghệ là một quá trình diễn ra theo tự nhiên, trong đó, công nghệ là một sản phẩm của con người và nó cũng tuân theo quy luật chu trình sống của sản phẩm. Tức là nó được sinh ra, phát triển và cuối cùng là suy vong. Bất kỳ một doanh nghiệp nào nếu không có những hoạt động nhằm đổi mới công nghệ thì chắc chắn hệ thống dây chuyền sản xuất, máy móc, trang thiết bị... sẽ trở nên lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, dẫn đến nguy cơ đe doạ sự tồn tại và phát triển của doanh

nghiệp. Do đó, đổi mới công nghệ là tất yếu và phù hợp với quy luật phát triển. Tính tất yếu của đổi mới công nghệ còn xuất phát từ các lợi ích khác nhau mà đổi mới công nghệ đem lại cho doanh nghiệp cũng như cho toàn xã hội nói chung. Công nghệ hiện nay đang gia tăng với hàm số mũ. Với tiến bộ của KH&CN, đổi mới công nghệ sẽ cho phép nâng cao chất lượng sản phẩm tạo ra nhiều sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, tăng sản lượng, tăng năng suất lao động, sử dụng hợp lý tiết kiệm nguyên vật liệu... Nhờ vậy sẽ tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường, thúc đẩy tăng trưởng nhanh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đổi mới công nghệ thực sự là hướng đi đúng đắn của một doanh nghiệp công nghiệp giàu tiềm năng.

### *Thực trạng về doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*

Tính đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 8.553 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, trong đó có 5.694 doanh nghiệp đang hoạt động; với 1.533 dự án đầu tư (FDI) còn hiệu lực (*nguồn: Thông báo số 102/TB-UBND ngày 10/4/2019, Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Hỗ trợ đầu tư và Phát triển doanh nghiệp*).

Theo Báo cáo đánh giá tình hình phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (năm 2018) của Sở Công Thương: Giai đoạn 2010-2017, tổng số dự án công nghiệp thu hút đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh là 994 dự án (*trong KCN là 220 dự án; CCN là 128 dự án, 628 dự án ngoài KCN, CCN*); trong đó, có 710 dự án đầu tư trong nước và 284 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; nâng tổng số dự án của tỉnh đến nay (2018) lên 1.482 dự án, trong đó có 1.134 dự án đầu tư trong nước và 348 dự án FDI. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp: Có 766 dự án, chiếm 51,69% tổng số dự án, trong đó có 444 dự án đầu tư trong nước.

Các dự án công nghiệp theo nội bộ ngành, lĩnh vực chủ yếu là sản xuất, gia công linh kiện điện tử với 160 dự án (*chiếm 20,88% tổng số các dự án trong lĩnh vực công nghiệp*); dự án sản xuất vật liệu xây dựng (*chủ yếu là sản xuất gạch nung*) với 86 dự án (*chiếm 11,22%*); dự án sản xuất, gia công hàng may mặc có 78 dự án, (*chiếm 10,18%*); dự án sản xuất, gia công cơ khí với 74 dự án (*chiếm 9,66%*); còn lại là các dự án trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến gỗ; chế biến nông sản; sản xuất nước sạch; chế biến khoáng sản...

### *Về Năng lực đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp thứ cấp*

Trong lĩnh vực công nghiệp: Có 766 dự án, chiếm 51,69% tổng số dự án, trong đó có 444 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký đạt 58.455,7 tỷ đồng (*chiếm 39,1% về số dự án và 71,3% về vốn đăng ký của các dự án trong nước*) và 322 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với vốn đăng ký đạt 3.704,2 triệu USD (*chiếm 92,5% về số dự án và chiếm 90,07% về vốn đăng ký của các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*).

Các doanh nghiệp trong nước đa phần là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm 97% tổng số doanh nghiệp; số doanh nghiệp có quy mô nhỏ (*vốn đăng ký dưới 1 tỷ đồng tương đối lớn, chiếm 32,3%*); các doanh nghiệp trong nước góp phần tạo ra nhiều việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao tay nghề, thu nhập cho người lao động. tuy nhiên, các doanh nghiệp trong nước đầu tư trên địa bàn tỉnh nhìn chung là hạn chế cả

về năng lực sản xuất và kinh doanh; tiềm lực tài chính hạn chế (*nhiều doanh nghiệp thành lập hoạt động sản xuất trong 2 đến 3 năm số vốn vay của các tổ chức tín dụng đã tăng lên nhiều và dẫn đến mất khả năng thanh toán*); đóng góp cho ngân sách nhà nước chưa nhiều, việc thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi xã hội chưa đầy đủ, thấp hơn so với doanh nghiệp FDI.

Kết quả khảo sát, đánh giá công nghệ của một số ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn tỉnh Bắc Giang của Trường Đại học Bách khoa Hà nội năm 2012, cho thấy: Chỉ số thành phần kỹ thuật (T) của Bắc Giang đạt ở mức khá; Tuy nhiên, xuất xứ công nghệ phần lớn không phải từ những quốc gia có trình độ tiên tiến, như Nhật Bản, Mỹ (GT2 0,5989) và thời gian còn lại của các thiết bị và dây chuyền sản xuất thấp (GT6 0,4118). Xét đến cấp độ tinh xảo của các thiết bị và dây chuyền công nghệ, số liệu khảo sát cho thấy đa số ở trình độ cơ khí hóa và các thiết bị chuyên dụng; chưa có doanh nghiệp nào đạt cấp độ tự động hóa quá trình sản xuất. Ở Bắc Giang doanh nghiệp có chỉ số công nghệ cao nhất lại thuộc lĩnh vực điện - điện tử.

Chỉ số thành phần con người (H): số lao động ở trình độ công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông chiếm 86,6 % đặc biệt số lao động phổ thông đến 71,1; Trình độ đầu vào của nguồn nhân lực của các ngành không cao, nhưng việc đầu tư cho công tác đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực chưa được các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chú trọng nhiều. Trong tương lai khi Bắc Giang thực hiện chiến lược đầu tư vào khu vực kinh tế đòi hỏi chất lượng cao của nguồn nhân lực sẽ gặp phải nhiều khó khăn.

Các doanh nghiệp tham gia thực hiện các đề tài dự án khoa học và công nghệ giai đoạn 2010-2017 tỉnh Bắc Giang có 19 doanh nghiệp chủ trì triển khai thực hiện 20 đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp nhà nước. Trong 19 doanh nghiệp, phân theo địa bàn có 5 doanh nghiệp ở ngoài tỉnh và 14 doanh nghiệp trong tỉnh. Phân theo lĩnh vực hoạt động trong 19 doanh nghiệp có 12 doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực nông lâm nghiệp, 3 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và 4 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y dược. Tổng nguồn vốn đầu tư vào 19 đề tài, dự án đạt 121 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp là 54 tỷ đồng (chiếm 44,6%).

Do đó, nếu các doanh nghiệp không chủ động đổi mới công nghệ, tiếp cận công nghệ hiện đại thông qua các hoạt động nghiên cứu, khai thác, chuyển giao công nghệ và tích cực chuẩn bị điều kiện kỹ thuật vật chất, con người để tiến tới thực hiện nghiên cứu sáng tạo công nghệ mới, các doanh nghiệp không thể thành công trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu; các doanh nghiệp tiến hành đổi mới công nghệ chủ yếu vẫn ở quy mô nhỏ, với trên 80% phương thức chính là mua máy móc có kèm theo công nghệ của nước ngoài hoặc áp dụng công nghệ tương tự đã có từ trước (không còn là bí quyết).

Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Hỗ trợ đầu tư và Phát triển doanh nghiệp tỉnh (Thông báo số 102/TB-UBND ngày 10/4/2019) Công tác tham mưu cơ chế chính sách một số ngành còn thụ động, chưa tham mưu được cơ chế chính sách để tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa; số doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, giải thể chiếm tỷ lệ cao 2.859/8.553 doanh nghiệp.

Xuất phát từ những khó khăn lớn mà các doanh nghiệp thường gặp phải trong quá trình đầu tư đổi mới công nghệ. Phân tích cho thấy, đây là các khó khăn chung của nền kinh tế, là những nhiệm vụ đặt ra của cả xã hội chứ không phải của riêng doanh nghiệp. Việc tập trung hỗ trợ để giải quyết các khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình đổi mới công nghệ chính là mở các nút thắt nhằm tháo gỡ các nhân tố cản trở quá trình đổi mới công nghệ, tăng cường các nhân tố thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ để tạo đà cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Lý do cơ bản nhất đòi hỏi nhà nước phải hỗ trợ công cho việc đổi mới công nghệ là để tạo động cơ cho doanh nghiệp, hạn chế những rủi ro đầu tư trong quá trình đổi mới công nghệ doanh nghiệp. Từ đó, với vai trò, vị trí của công tác hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế UBND tỉnh đề xuất chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025 nhằm khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ phát triển kinh tế- xã hội, làm thay đổi bộ mặt của kinh tế, chính trị của tỉnh; ngày càng khẳng định vai trò quan trọng đối với công cuộc CNH, HĐH đất nước.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhằm cụ thể hóa một số nội dung của Luật chuyển giao công nghệ 2017 và nội dung hỗ trợ của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng các văn bản có liên quan; nhằm kích thích các doanh nghiệp tăng cường thực hiện các hoạt động nghiên cứu, cải tiến, tiếp nhận chuyển giao đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp.

Xây dựng chính sách của tỉnh khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị mới, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, hạn chế tác hại đến môi trường, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường...; Tạo cơ sở pháp lý để nhà nước thực hiện việc hỗ trợ đổi mới công nghệ, nhà nước và doanh nghiệp cùng đồng hành phát triển sản xuất, tạo ra các sản phẩm năng suất, chất lượng, góp phần phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Xác định vấn đề bất cập**

Bắc Giang là tỉnh thuộc vùng thủ đô Hà Nội, hạ tầng kỹ thuật và xã hội của vùng đang được tập trung xây dựng đồng bộ và hiện đại. Trong vùng, Bắc Giang được xem là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn). Sức cạnh tranh của Bắc Giang đang được củng cố đáng kể thông qua hệ thống đường giao thông kết nối với Trung Quốc qua cửa khẩu Hữu Nghị. Ngoài ra, Bắc Giang gần các trung tâm công nghiệp, đô thị lớn của “Tam giác kinh tế phát triển”: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, nơi tập trung tiềm lực khoa học kỹ thuật của cả nước, nơi tập trung đầu mối kinh tế đối ngoại, giao lưu kinh tế, khoa học, công nghệ với tốc độ đô thị hóa nhanh và là thị trường tiêu thụ lớn. Tất cả các yếu tố trên là điều kiện cần để Bắc Giang phát triển kinh tế- xã hội theo hướng nhanh và bền vững.

Các doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến hoạt động sản xuất, ứng dụng

công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch và đổi mới công nghệ hoặc có quan tâm nhưng chưa đầu tư nhân lực, tài chính để tự nghiên cứu, cải tiến công nghệ mà chủ yếu mua thiết bị hoặc nhập dây chuyền từ bên ngoài doanh nghiệp với chi phí cao nhưng khả năng tối ưu hóa thiết bị trong quá trình vận hành thấp.

Doanh nghiệp chưa tiếp cận các chính sách hỗ trợ từ Trung ương do các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Doanh nghiệp chưa đăng ký thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (*đề tài, dự án*) sử dụng dụng ngân sách nhà nước thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết do thủ tục phức tạp, chưa hình thành được thói quen phối hợp giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ.

## 2. Mục tiêu cụ thể

Cần phải quan tâm các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, công tác phát triển trong doanh nghiệp.

Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh để khích lệ doanh nghiệp chủ động sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp; Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận với các chính sách khoa học và công nghệ, nhằm đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp góp phần thúc đẩy nền kinh tế- xã hội của tỉnh.

## 3. Giải pháp, đề xuất

Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025:

**3.1. Đối tượng áp dụng:** Các doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật, có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (*không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*).

### 3.2. Nội dung chính sách

#### 3.2.1 Điều kiện hỗ trợ

- a. Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ.
- b. Có hợp đồng mua thiết bị, công nghệ.
- c. Có hóa đơn thanh toán mua thiết bị, công nghệ.
- d. Công nghệ sau khi được đổi mới phải nâng cao giá trị sản xuất ít nhất 15%.
- đ. Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 01 dự án đổi mới công nghệ/1 năm.
- e. Không áp dụng đối với các dự án đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách khác.
- f. Thiết bị công nghệ có xuất xứ từ các nước G7, OECD thì công nghệ phải được sản xuất không quá 5 (năm) năm kể từ ngày có hóa đơn mua thiết bị công nghệ.
- g. Thiết bị, công nghệ có xuất xứ từ các nước khác phải là công nghệ mới 100% kể từ ngày có hóa đơn mua thiết bị công nghệ.

### *3.2.2. Các lĩnh vực hỗ trợ*

- a. Công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm sản;
- b. Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- c. Công nghệ sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời;
- d. Công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao;
- e. Công nghệ xử lý môi trường;
- f. Công nghệ sản xuất cơ khí.

### *3.2.3. Mức hỗ trợ*

Hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư thiết bị, công nghệ, nhưng không quá 1.500.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm triệu đồng/1 dự án*).

### *3.2.4. Nguồn kinh phí:* Từ nguồn ngân sách của tỉnh.

## **3.3. Đề xuất, kiến nghị**

3.3.1. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền rộng rãi đến người dân, doanh nghiệp; phối kết hợp với viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ lựa chọn, tư vấn, cung cấp thông tin về công nghệ, tiến bộ khoa học và kỹ thuật làm cơ sở cho doanh nghiệp, nhà đầu tư xem xét thực hiện dự án.

3.3.2. Các cơ quan chức năng tổ chức giám sát, kiểm tra và tư vấn việc tổ chức thực hiện của các tổ doanh nghiệp khi thực hiện dự án nhằm đảm bảo dự án triển khai đúng mục đích, yêu cầu và hiệu quả.

3.3.3. Doanh nghiệp, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ và cân nhắc việc đề nghị thực hiện để được hưởng hỗ trợ từ chính sách đối với những sản phẩm nhằm tránh rủi ro, bất lợi đối với hàng hóa, sản phẩm xuất khẩu.

3.3.3. Triển khai thực hiện hỗ trợ đối với các doanh nghiệp theo nguyên tắc đơn giản, phù hợp với các điều kiện của tỉnh, đồng thời thúc đẩy được các doanh nghiệp phát triển.

## **4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

Giải pháp để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh (*mức hỗ trợ này phù hợp với doanh nghiệp nhỏ*) để từ đó doanh nghiệp có thêm nguồn tài chính cho sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch và đổi mới công nghệ.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm tính theo giá tuyệt đối không lớn nhưng tạo ra được giá trị rất lớn trong việc định hướng phát triển các doanh nghiệp trong tương lai đó là doanh nghiệp phát triển dựa trên nền tảng của khoa học và công nghệ, giúp doanh nghiệp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm trên thị trường.

## **5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Để giải quyết những vấn đề bất cập hiện nay, tỉnh Bắc Giang cần một chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025, cụ thể:

Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025

Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về Quy định hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025.

### **III. VỀ LẤY Ý KIẾN**

Các hình thức lấy ý kiến dự thảo báo cáo đánh giá tác động; Dự thảo báo cáo đánh giá tác động cùng với các hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết được lấy ý kiến bằng nhiều hình thức và nhiều đối tượng khác nhau:

Dự thảo báo cáo tác động được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian 30 ngày để các tổ chức, cá nhân góp ý kiến rộng rãi.

Lấy ý kiến các Sở, ngành, Ủy ban MTTQ tỉnh, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các hội, hiệp hội, các doanh nghiệp bằng văn bản.

### **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, triển khai hỗ trợ. Đồng thời, theo dõi, đánh giá hiệu quả, báo cáo UBND tỉnh và Hội đồng Nhân dân tỉnh theo quy định.

### **V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH VĂN BẢN**

Kỳ họp thứ 6, khóa XVIII Hội đồng nhân dân tỉnh (tháng 12/2019).

Trên đây là Báo cáo đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua./.

#### **Noi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các P.Chủ tịch;
- Sở KH&CN;
- Lưu: VT.

**TM. UBND TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2020-2025**  
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2019)

Năm thực hiện	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa (triệu đồng)	Số lượng dự án hỗ trợ	Dự kiến kinh phí hỗ trợ/năm (triệu đồng)	Ghi chú
Năm 2020	Hỗ trợ các DN đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị	1.500	5	5.000	
Năm 2021	Hỗ trợ các DN đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị	1.500	10	10.000	
Năm 2022	Hỗ trợ các DN đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị	1.500	10	10.000	
Năm 2023	Hỗ trợ các DN đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị	1.500	20	15.000	
Năm 2024	Hỗ trợ các DN đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị	1.500	20	15.000	
Năm 2025	Hỗ trợ các DN đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị	1.500	20	15.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>85</b>	<b>70.000</b>	

Tổng số kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ giai đoạn 2020-2025 là 70 tỷ đồng.

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Đổi mới công nghệ là việc chủ động thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đang được sử dụng bằng một công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao hiệu quả của sản xuất - kinh doanh.

Thực tiễn những năm qua cho thấy, đổi mới công nghệ là một trong những biện pháp hàng đầu giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, hiệu quả, khả năng cạnh tranh, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Đổi mới công nghệ tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng thị trường sản phẩm, đồng thời góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm tạo ra các sản phẩm mới, quy trình mới, công nghệ mới.

Nhờ đổi mới công nghệ, chất lượng sản phẩm được nâng lên đồng nghĩa với việc doanh nghiệp sẽ tạo được vị thế bền vững trên thị trường. Đổi mới công nghệ giúp giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh đang ngày càng mang tính sống còn hơn với các doanh nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao trở thành “kim chỉ nam” cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước đặc biệt coi trọng việc thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. Ngày 01/11/2012, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-TW về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Nghị quyết này đã đặt ra mục tiêu cụ thể đến năm 2020, thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 35% tăng trưởng kinh tế; Xây dựng được một số sản phẩm quốc gia mang thương hiệu Việt Nam; Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp; Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt khoảng 20%/năm...

Ngày 10/5/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 677/QĐ-TTg về việc phê duyệt chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 với mục tiêu cụ thể đến năm 2020: Số lượng DN thực hiện đổi mới công nghệ

tăng trung bình 15%/năm, trong đó có 5% DN ứng dụng công nghệ cao; 100% DN sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia làm chủ và tạo ra được công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm...

## I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Tính đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 8.553 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, trong đó có 5.694 doanh nghiệp đang hoạt động; với 1.533 dự án đầu tư (FDI) còn hiệu lực (*Nguồn: Thông báo số 102/TB-UBND ngày 10/4/2019, Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Hỗ trợ đầu tư và Phát triển doanh nghiệp*);

Theo Báo cáo Đánh giá tình hình phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (năm 2018) của Sở Công Thương: Giai đoạn 2010 - 2017, tổng số dự án công nghiệp thu hút đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh là 994 dự án (*trong KCN là 220 dự án; CCN là 128 dự án, 628 dự án ngoài KCN, CCN*); trong đó, có 710 dự án đầu tư trong nước và 284 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; nâng tổng số dự án của tỉnh đến nay (2018) lên 1.482 dự án, trong đó có 1.134 dự án đầu tư trong nước và 348 dự án FDI. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp: Có 766 dự án, chiếm 51,69% tổng số dự án, trong đó có 444 dự án đầu tư trong nước

Các dự án công nghiệp theo nội bộ ngành, lĩnh vực chủ yếu là sản xuất, gia công linh kiện điện tử với 160 dự án (*chiếm 20,88% tổng số các dự án trong lĩnh vực công nghiệp*); dự án sản xuất vật liệu xây dựng (*chủ yếu là sản xuất gạch nung*) với 86 dự án (*chiếm 11,22%*); dự án sản xuất, gia công hàng may mặc có 78 dự án, (*chiếm 10,18%*); dự án sản xuất, gia công cơ khí với 74 dự án (*chiếm 9,66%*); còn lại là các dự án trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến gỗ; chế biến nông sản; sản xuất nước sạch; chế biến khoáng sản;...

Trong lĩnh vực công nghiệp: Có 766 dự án, chiếm 51,69% tổng số dự án, trong đó có 444 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký đạt 58.455,7 tỷ đồng (*chiếm 39,1% về số dự án và 71,3% về vốn đăng ký của các dự án trong nước*) và 322 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với vốn đăng ký đạt 3.704,2 triệu USD, (*chiếm 92,5% về số dự án và chiếm 90,07% về vốn đăng ký của các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*)

Các dự án công nghiệp ở tỉnh Bắc Giang chủ yếu là sản xuất, gia công linh kiện điện tử với 160 dự án; dự án sản xuất vật liệu xây dựng (*chủ yếu là sản xuất gạch nung*) với 86 dự án; dự án sản xuất, gia công hàng may mặc có 78 dự án; dự án sản xuất, gia công cơ khí với 74 dự án; còn lại là các dự án trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến gỗ; chế biến nông sản; sản xuất nước sạch; chế biến khoáng sản... Đáng chú ý, trong số các dự án sản xuất công nghiệp ở tỉnh có 8 dự án sản xuất pin năng lượng mặt trời (đều là các dự án của các nhà đầu tư nước ngoài), điều này cho thấy, lĩnh vực sản xuất pin năng lượng mặt trời cũng thu hút được khá nhiều các nhà đầu tư quan tâm.

Đến nay đã có 12 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trực tiếp trên

địa bàn tỉnh Bắc Giang, trong đó nhiều nhất là các nhà đầu tư Hàn Quốc với 218 dự án; tiếp đến là Trung Quốc có 95 dự án; Nhật Bản có 22 dự án; còn lại là các quốc gia khác.

Các doanh nghiệp trong nước đa phần là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm 97% tổng số doanh nghiệp; số doanh nghiệp có quy mô nhỏ (*vốn đăng ký dưới 01 tỷ đồng tương đối lớn, chiếm 32,3%*); các doanh nghiệp trong nước góp phần tạo ra nhiều việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao tay nghề, thu nhập cho người lao động. tuy nhiên, các doanh nghiệp trong nước đầu tư trên địa bàn tỉnh nhìn chung là hạn chế cả về năng lực sản xuất và kinh doanh; tiềm lực tài chính hạn chế (*nhiều doanh nghiệp thành lập hoạt động sản xuất trong 2 đến 3 năm số vốn vay của các tổ chức tín dụng đã tăng lên nhiều và dẫn đến mất khả năng thanh toán*); đóng góp cho ngân sách nhà nước chưa nhiều, việc thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi xã hội chưa đầy đủ, thấp hơn so với doanh nghiệp FDI.

## **1. Thực trạng về công nghệ một số ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Năm 2012, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội có chủ trì thực hiện đề tài “**Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá trình độ công nghệ của một số ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**”. Đề tài có thực hiện khảo sát, đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ một số ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Trên cơ sở đánh giá hiện trạng công nghệ của hơn 250 doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Kết quả khảo sát, đánh giá công nghệ theo các chỉ số thành phần, cụ thể như sau:

1.1. Chỉ số thành phần kỹ thuật (T): Xét riêng thành phần kỹ thuật (T), giá trị của chỉ số này phụ thuộc vào các yếu tố: tính đồng bộ, xuất xứ của công nghệ, năm lắp đặt, cấp độ tinh xảo của dây chuyền, hệ số hao mòn của thiết bị. Chỉ số thành phần T của Bắc Giang đạt ở mức khá. Trong đó đặc biệt có trên 88% doanh nghiệp được khảo sát mới đầu tư dây chuyền sản xuất từ sau năm 2000 đến nay nên chỉ số thời kỳ sản xuất đạt cao (GT3= 0,9926). Tuy nhiên, xuất xứ công nghệ phần lớn không phải từ những quốc gia có trình độ tiên tiến (GT2= 0,5989) và thời gian còn lại của các thiết bị và dây chuyền sản xuất thấp (GT6= 0,4118). Nếu so sánh ở cấp độ doanh nghiệp thì có những doanh nghiệp thành phần T đạt rất cao như công ty TNHH Teayang thuộc lĩnh vực Điện – điện tử (T=0,8886) hoặc công ty TNHH Italisa Việt Nam thuộc lĩnh vực cơ khí (T=0,8194). Bên cạnh đó cũng còn khá nhiều doanh nghiệp chỉ số thành phần kỹ thuật chỉ đạt mức trung bình.

Xét đến cấp độ tinh xảo của các thiết bị và dây chuyền công nghệ, số liệu khảo sát cho thấy đa số ở trình độ cơ khí hóa và các thiết bị chuyên dụng. Cấp độ thiết bị điều khiển bằng máy tính chiếm gần 20%, một tỷ lệ khá cao so với các địa phương khác Tuy nhiên chưa có doanh nghiệp nào đạt cấp độ tự động hóa quá trình sản xuất.

1.2. Chỉ số thành phần con người (H): số lao động ở trình độ công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông chiếm đến 86.6 % đặc biệt số lao động phổ thông đến 71.1%; Trình độ đầu vào của nguồn nhân lực của các ngành không cao, nhưng việc đầu tư cho công tác đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực chưa được các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chú trọng nhiều. Trong tương lai khi Bắc Giang thực hiện chiến lược đầu tư vào khu vực kinh tế đòi hỏi chất lượng cao của nguồn nhân lực sẽ gặp phải nhiều khó khăn.

1.3. Xét các chỉ số về thành phần thông tin (I) của các doanh nghiệp khảo sát và các nhóm ngành trên địa bàn Bắc Giang là tương đối cao. Tình hình sử dụng máy tính trong công tác quản lý tương đối phổ biến trong các doanh nghiệp được khảo sát. Đặc biệt là sử dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý sản xuất tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cao hơn nhiều so với các địa phương khác.

1.4. Về thành phần tổ chức (O) chỉ đạt mức trung bình khá. Chiến lược, mục đích tôn chỉ của doanh nghiệp, Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả, Phương thức tuyển dụng, Hiệu lực của công tác quản lý,... là những yếu tố tác động đến thành phần tổ chức. Tất cả các doanh nghiệp khảo sát đều quan tâm hoạch định các chiến lược phát triển. Tuy nhiên, đánh giá vị thế của các doanh nghiệp trên thị trường, kết quả khảo sát cho thấy có hơn 50% các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang ở trong tình trạng khó khăn hoặc làm ăn thua lỗ. Đây là một tỉ lệ khá cao, tuy nhiên cũng là hiện tượng có thể lý giải được trong thời kỳ khủng hoảng (năm 2012).

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ.**

### **1. Cơ chế chính sách của Trung ương**

Một số chính sách về khoa học và công nghệ ở Trung ương đang được thực hiện để hỗ trợ doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1.1. Chính sách nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật; áp dụng các quy trình công nghệ tiên tiến vào sản xuất để tạo ra các sản phẩm mới, đạt năng suất, chất lượng cao hơn. Chính sách hỗ trợ được thực hiện thông qua các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. Hình thức này được quy định tại Điều 38 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ. Thông tư số 18/2016/TT-BKHCN Hướng dẫn quản lý dự án khoa học công nghệ cấp Quốc gia.

### **1.2. Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia**

Theo đó, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 tập trung phát triển về số lượng và chất lượng của doanh nghiệp, nhân lực quản lý doanh nghiệp trong việc thực hiện đổi mới công nghệ, làm chủ và tạo ra công nghệ tiên tiến. Với mục tiêu đến năm 2020: Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm, trong đó có 5% doanh nghiệp ứng

dụng công nghệ cao; 100% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia làm chủ và tạo ra được công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm;

Một số nội dung thực hiện của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, như: Xây dựng và thực hiện lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia; Nghiên cứu, làm chủ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia; Xem xét, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia nghiên cứu, làm chủ, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm và đổi mới quy trình công nghệ, trong đó có chi phí chuyển giao công nghệ, mua thiết kế, mua phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm; Tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh việc đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ là biện pháp tăng cầu sản phẩm khoa học và công nghệ đã được Chính phủ xác định cụ thể tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

1.3. Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia: Quỹ được thành lập theo Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 05 tháng 08 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 03 tháng 07 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

Các chính sách trên mặc dù khác nhau nhưng phương thức thực hiện tương đồng nhau đó là theo phương thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương đối phức tạp với nhiều hội đồng xét duyệt. Thực tế phương thức triển khai này phù hợp với các nhà khoa học, các tổ chức khoa học và công nghệ chuyên nghiệp hơn là áp dụng cho doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp ở các địa phương gần như không thể tiếp cận để tham gia các chính sách.

Tuy nhiên, các chính sách của Trung ương đã nêu ở trên như: Đổi mới công nghệ thông qua Quỹ Đổi mới Công nghệ Quốc gia thực tế rất ít doanh nghiệp ở các tỉnh có thể tiếp cận để tham gia, vì lý do quy trình, thủ tục xét duyệt phức tạp, thời gian kéo dài, tỷ lệ thành công sau khi xét duyệt thấp. Trong khi các doanh nghiệp ở cấp tỉnh đều có quy mô nhỏ lại chưa có bộ phận chuyên nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp nên các chính sách quốc gia chỉ phù hợp với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn.

## **2. Cơ chế chính sách ở địa phương**

Nhằm hỗ trợ kịp thời các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong những năm qua UBND tỉnh, HĐND tỉnh đã ban hành một số chính sách của tỉnh nhằm khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các biện pháp quản lý tiên tiến; thực hiện các dự án áp

dụng quy trình, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; thân thiện môi trường; qua đó khuyến khích các doanh nghiệp, hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đạt hiệu quả, có năng lực cạnh tranh mở rộng thị trường và phát triển bền vững góp phần vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế- xã hội của địa phương tăng, cụ thể như sau:

### 2.1.Các chính sách hỗ trợ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ

*2.1.1. Hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng , có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn.*

Thực hiện Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 19/12/2011 và Quyết định số 290/2011/QĐ-UBND, ngày 10/8/2011 của UBND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng , có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn. Từ 2011-2017 đã hỗ trợ cho 59 lượt doanh nghiệp áp dụng ISO (53 doanh nghiệp áp dụng ISO 9001 và 6 doanh nghiệp áp dụng ISO 14000) với số tiền là 1.280.000.000 đồng (một tỷ hai trăm tam mươi triệu đồng chẵn), cụ thể: năm 2011 hỗ trợ 9 doanh nghiệp với số tiền là 160 triệu đồng; năm 2012 hỗ trợ 7 doanh nghiệp với số tiền là 190 triệu đồng; năm 2013 hỗ trợ 11 doanh nghiệp với số tiền là 300 triệu đồng; năm 2014 hỗ trợ 12 doanh nghiệp với số tiền là 300 triệu đồng; năm 2015 hỗ trợ 7 doanh nghiệp với số tiền là 210 triệu đồng; năm 2016 hỗ trợ 4 doanh nghiệp với số tiền là 120 triệu đồng; năm 2017 hỗ trợ 9 doanh nghiệp với số tiền là 270 triệu đồng

Thực hiện Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 19/12/2011 của HĐND tỉnh và Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2011/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 của UBND tỉnh Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng , có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn. Năm 2018 đã hỗ trợ cho 04 doanh nghiệp áp dụng ISO với số tiền là 138 triệu đồng.

Để đánh giá hiệu quả, tác dụng của việc áp dụng ISO tại các doanh nghiệp. Năm 2016 Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành điều tra tại 50 doanh nghiệp đã áp dụng ISO. Theo kết quả điều tra, có 30/50 doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 75 % cho rằng, việc áp dụng ISO giúp doanh nghiệp cải tiến các công đoạn của quá trình sản xuất, giúp ổn định chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí nhờ việc giảm thiểu các sai lỗi trong quá trình sản xuất và gia tăng độ tin cậy của khách hàng về chất lượng sản phẩm; có 6/50 doanh nghiệp cho rằng việc áp dụng ISO giúp ổn định chất lượng sản phẩm, 4/50 doanh nghiệp cho rằng việc áp dụng ISO cải tiến các công đoạn của quá trình sản xuất, kinh doanh.

*2.1.2. Doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước*

Các doanh nghiệp tham gia thực hiện các đề tài dự án khoa học và công

nghệ giai đoạn 2010-2017 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 19 doanh nghiệp chủ trì triển khai thực hiện 20 đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trong 19 doanh nghiệp, có 12 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, 03 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và 04 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y dược. Tổng nguồn vốn đầu tư vào 19 đề tài, dự án đạt 121 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp là 54 tỷ đồng (chiếm 44,6%). Vốn từ ngân sách nhà nước là 67 tỷ đồng (chiếm 55,4%)

## 2.2. Chính sách hỗ trợ thuộc lĩnh vực Nông nghiệp (khuyến nông)

Thực hiện Quyết định số 140/2011/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 và Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang sửa đổi điểm a và điểm b, Điều 4 của Quyết định số 140/2011/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 ban hành Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Năm 2015 đã hỗ trợ cho 20 mô hình, đề tài, dự án với số tiền là 2 tỷ 025,9 triệu đồng (trong đó từ nguồn kinh phí Trung ương là 367 triệu đồng và từ nguồn kinh phí của tỉnh là 1 tỷ 658,9 triệu đồng); năm 2016 đã hỗ trợ cho 11 mô hình, đề tài, dự án với số tiền là 3 tỷ 441,5 triệu đồng (trong đó từ nguồn kinh phí Trung ương là 1 tỷ 367 triệu đồng và từ nguồn kinh phí của tỉnh là 2 tỷ 074,5 triệu đồng); năm 2017 đã hỗ trợ cho 12 mô hình, đề tài, dự án với số tiền là 3 tỷ 310,1 triệu đồng (trong đó từ nguồn kinh phí Trung ương là 420 triệu đồng và từ nguồn kinh phí của tỉnh là 2 tỷ 890,1 triệu đồng); năm 2018 đã hỗ trợ cho 10 mô hình, đề tài, dự án với số tiền là 2 tỷ 869,7 triệu đồng (trong đó từ nguồn kinh phí Trung ương là 120 triệu đồng và từ nguồn kinh phí của tỉnh là 2 tỷ 749,7 triệu đồng)

## 2.3. Chính sách hỗ trợ thuộc lĩnh vực Công nghiệp (khuyến công)

### Kết quả hoạt động khuyến công giai đoạn 2011 - 2015

- Tổng kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công giai đoạn 2011 - 2015 là 17 tỷ 310,46 triệu đồng; hỗ trợ cho 182 đề án; đồng thời huy động được 179.662,103 triệu đồng đối ứng của các cơ sở công nghiệp nông thôn được thụ hưởng kinh phí khuyến công tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

+ Kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ cho các đề án thực hiện trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí 7 tỷ 404,2 triệu đồng (năm 2011: 1 tỷ 535 triệu đồng; năm 2012: 1 tỷ 245 triệu đồng; năm 2013: 2 tỷ 991 triệu đồng; năm 2014: 933,2 triệu đồng và năm 2015: 700 triệu đồng).

+ Kinh phí khuyến công của tỉnh: Kinh phí khuyến công của tỉnh trong 5 năm qua là 11 tỷ 500 triệu đồng (năm 2011: 2 tỷ đồng; năm 2012: 2 tỷ đồng; năm 2013: 2 tỷ đồng; năm 2014: 2 tỷ 500 triệu đồng và năm 2015: 3 tỷ đồng).

- Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở công nghiệp nông thôn là 9 tỷ 565,62 triệu đồng, chiếm 50,6% số kinh phí khuyến công thực hiện trong giai đoạn này; kinh phí hỗ trợ gián tiếp cho cơ sở công nghiệp nông thôn thông qua các nội dung khuyến công do tổ chức dịch vụ khuyến công thực hiện và kinh phí phục

vụ chức năng quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công là 9 tỷ 338,58 triệu đồng (chiếm 49,4%).

### **3. Một số địa phương đã ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.**

Hiện nay, một số địa phương như Đà Nẵng, Phú Thọ, Tây Ninh, Hòa Bình, Yên Bai, Khánh Hòa, Cao Bằng, Quảng Ninh,... đã ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ chi từ nguồn ngân sách tỉnh hoặc nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học. Đặc biệt, Quảng Ninh, Đà Nẵng chuẩn bị một nguồn kinh phí rất lớn để hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

## **III. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Những hạn chế**

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ tỉnh cùng sự vào cuộc của các cấp, các ngành nên cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực. Ngành công nghiệp tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp vẫn còn phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI; Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh, quy mô vốn thấp. Tỷ lệ ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn hạn chế. Máy móc, thiết bị còn lạc hậu, đầu tư thiếu đồng bộ: Đa số doanh nghiệp sử dụng các loại máy móc đơn giản phục vụ sản xuất. Phần lớn các doanh nghiệp chưa ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản trị và sản xuất trong thời kỳ hội nhập. Năng suất lao động và giá trị gia tăng cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn rất thấp; chủ yếu là gia công.

Ngành Nông nghiệp của tỉnh Bắc Giang vẫn chiếm tỷ trọng lớn, nhiều sản phẩm nông nghiệp mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân và cho địa phương. Tuy nhiên, việc bảo quản, chế biến sau thu hoạch còn gặp khó khăn, số lượng cơ sở hoạt động chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh ít, chưa ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản, chế biến nông sản, chưa có nhiều cơ sở chế biến sâu để mang lại giá trị kinh tế cao, các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh (vải, cam, bưởi, lúa, rau màu, cây lấy gỗ, con lợn, con gà) chủ yếu vẫn sơ chế thủ công theo phương pháp truyền thống, quy mô bảo nhở lẻ, tốn công lao động, hiệu quả sản xuất thấp do đa phần tiêu thụ thô, khó cạnh tranh và quảng bá thương hiệu sản phẩm.

- Một số cơ chế, chính sách, đề án vẫn còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế nhất định như: các chính sách mới chỉ tập trung đầu tư hỗ trợ trong lĩnh vực nông nghiệp với việc áp dụng các quy trình mới; đưa giống cây, giống con mới vào sản xuất, trong khi rất cần đưa các máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào trong lĩnh vực công nghiệp, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ và hướng tới xuất khẩu.

## **2. Một số giải pháp**

- Đối với ngành công nghiệp:

+ Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ; đưa máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại thay thế những máy móc, thiết bị cũ, lạc hậu tiền tới tự động hóa quá trình sản xuất; nhằm giải phóng sức lao động của người; tăng năng suất, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm; tận dụng nguyên liệu, cải tiến để tạo ra các sản phẩm mới có tính năng, giá trị vượt trội so với công nghệ cũ.

+ Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới tiết kiệm nguyên, nhiên liệu và thân thiện môi trường.

- Đối với ngành nông nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng các dây chuyền công nghệ hiện đại, khép kín từ khâu bảo quản đến chế biến, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến “chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn giai đoạn 2020-2025”, UBND tỉnh trân trọng báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Noi nhận:**

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CTCT; CPVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

Số: /2019/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT  
Quy định Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ  
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ VIII**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ, ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ, ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 119/1999/NĐ-CP, ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét tờ trình số: /TTr-UBND ngày /.../2019 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025.

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025.

**2. Đối tượng áp dụng:** Các doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật, có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (*không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*).

### **3. Điều kiện hỗ trợ**

- a. Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ.
- b. Có hợp đồng mua thiết bị, công nghệ.
- c. Có hóa đơn thanh toán mua thiết bị, công nghệ.
- d. Công nghệ sau khi được đổi mới phải nâng cao giá trị sản xuất ít nhất 15%.
- đ. Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 01 dự án đổi mới công nghệ/1 năm.
- e. Không áp dụng đối với các dự án đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách khác.
- f. Thiết bị công nghệ có xuất xứ từ các nước G7, OECD thì công nghệ phải được sản xuất không quá 5 (năm) năm kể từ ngày có hóa đơn mua thiết bị công nghệ.
- g. Thiết bị, công nghệ có xuất xứ từ các nước khác phải là công nghệ mới 100% kể từ ngày có hóa đơn mua thiết bị công nghệ.

### **4. Các lĩnh vực hỗ trợ**

- a. Công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm sản;
- b. Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- c. Công nghệ sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời;
- d. Công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao;
- e. Công nghệ xử lý môi trường;
- f. Công nghệ sản xuất cơ khí.

### **5. Mức hỗ trợ**

Hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư thiết bị, công nghệ, nhưng không quá 1.500.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm triệu đồng/1 dự án*).

### **6. Nguồn kinh phí:** Từ nguồn ngân sách của tỉnh.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 01 năm 2020./.

***Noi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác ĐBQH, UBTƯ Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Bắc Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VP.HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**